

ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ QUYỂN 4

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔN (Tiếp Theo)

Kệ nói:

*Tháp Phật, miếu thân lửa
Chuông trâu, giữa sông đầm,
Miếu các trời, nhà trống
Chỗ vị Tiên đắc đạo.*

Dù không phải Thánh tích và chỗ chúng Tăng ở nhưng tùy theo phần đất chỗ có xây tháp Phật, ở bốn bên Tháp đều được làm Mạn-đồ-la.

Thần lửa: là nơi thờ lửa của Phạm Chí tịnh hạnh, rất trong sạch do đó có thể lập đàn.

Ngưu Lan: là ở phương Tây làng xóm và chuồng nuôi trâu bò cùng ở một chỗ, cách thôn xóm hoặc mười dặm, năm dặm, đã đồn chứa nhiều năm, phân và nước tiểu bò khắp trên mặt đất chồng chất nhiều lớp, phong tục Ấn-độ cũng cho là sạch, tuy nhiên, phải dời bò đi. Nếu người chăn trâu thấy thì cũng không được làm trong đó.

Hà than: dịch đúng phải là chỗ các dòng gặp nhau, nghĩa là có hai giòng nước hoặc nhiều giòng nước, ở chỗ này hợp chúng lại, nghiêng một bên hay ở giữa dòng, chảy liên tục, rửa sạch không có các vật dơ uế.

Thiên Miếu: là nhà thờ cúng tổ tiên ở cõi trời, hoặc nhà thanh trai, an nhàn, nhưng nếu có các ngoại đạo tà kiến không tin thì không nên làm đàn ở chỗ này.

Thất trống: là nhà do người đời làm ra, sau đó bỏ đi, do không có các việc lộn xộn cho nên có thể tác pháp. Nơi vị Tiên đắc đạo: là chỗ người đời cầu năm Thần thông, dừng ở lâu ngày được thành tựu, chắc chắn không có chỗ nào tốt hơn, cũng có thể ở trong đó làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, chế để: là chỗ xây dựng tốt đẹp, nghĩa là người này thường kiến lập bạch pháp, chí không rối loạn, tuy nay chưa tu Chánh giác, phải biết trong cây phước đời trước đã có gốc lành, cho nên gọi là Tháp.

Lại, lửa có công năng thiêu đốt, sự như bản, nghĩa là thân, miệng, ý người này, dù chưa được thanh tịnh đạt đến xuất ly (sinh tử) nhưng bên trong có tuệ tánh, ưa làm tịnh nghiệp, có lỗi thì sửa đổi, do đó gọi là đèn thờ lửa.

Ngư: nghĩa là hành.

Lan: nghĩa là đề phòng, nghĩa là tánh chất người này ôn hòa dịu dàng, dễ điều khiển thuần thực, nắm căn đều ham muốn dục, có thể tự ngăn lại không đến nỗi buông lung, vì thế gọi là Ngư Lan.

Toàn lưu: nghĩa là đối với ba thừa tâm kia còn do dự, không biết quyết định đi đến đường nào.

A-xà-lê cũng nên dùng pháp khuyến dụ rằng, các phương tiện này đều là Phật dạy, nhưng tùy theo sự ưa thích nhất của ông mà một bề học tập, chỗ đến sẽ đồng, không nên nghi ngờ lo sợ. Nếu tin cả tà lẫn chánh thì phải dứt trừ bến mê, chỉ bày đường chính, để họ có thể gồm tin, tức là đời trước đã từng dùng nước pháp gội rửa tâm kia, cũng gọi là sông đầm. Đèn thờ trời, nghĩa là không cầu ba thừa mà chí nguyện cái vui cõi trời, vì muốn truyền thọ khiến xa lìa ba đường ác, sinh chánh kiến trong cõi trời cho nên phải nhiếp thọ, ấy gọi đèn thờ trời.

Thất trọng: Nghĩa là người này tuy ở trần tục, nhưng tánh ưa vắng lặng nhằm chán ồn ào, tạp nhạp ở đời, đó là tướng gốc lành sắp thành thực, như người nữ mang thai dần dần thành tựu thì dục ý tự nhẹ nhàng, vì thế có thể giáo hóa, nếu chí cầu sinh lên các tầng trời Vô sắc cũng gọi là thất trọng chỗ vị Tiên đắc đạo: Nghĩa là chỉ phát tâm cầu năm Thân thông, trì minh tiên đạo hoặc nguyện sống lâu thành tựu các thứ Tất-địa thế gian, cũng có thể tùy theo căn cơ kia mà khuyến dụ, dắt dẫn.

Lại nữa, có các học thuyết khác, rất ưa thích pháp thờ thần lửa Vi-đà, nguyện sinh về cõi Phạm Thế. Nghe trong Bí Tàng cửa Đức Phật cũng có Hỏa Thiên thực hành pháp Chân ngôn, tông chỉ và ý nghĩa rất sâu liền từ môn này mà nhập vào chánh pháp.

Lại có kẻ thờ phụng Tự Tại, Tỳ-nữu, Na-la-diên, quý trọng mặt trăng, mặt trời... các thứ trời thế gian, nếu nghe trong diệu pháp của các Đức Phật, cũng có Chư thiên Chân ngôn hành pháp như kia, cho đến thân Đại ngã của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na thì lập tức tin nhận mà nhập vào chánh pháp, hoặc người có chí nguyện cầu sinh lên các tầng trời

trong ba cõi, nghe trong kho diệu pháp của các Đức Phật có hành pháp thiên thừa Chân ngôn, có thể khiến cho trong vô lượng đời sinh về cõi trời kia, không đọa lạc trở lại, cuối cùng tự nhiên trở thành Đệ nhất nghĩa, do tâm nguyện sâu xa này nguyện được vào chánh pháp, hoặc có người học tập Ngũ thông tiên pháp ở thế gian, nghe trong kho diệu pháp của các Đức Phật có các thứ Chân ngôn của Ca-diếp, Cù-đàm, Đại Tiên có thể giúp đạt được thần thông không thể suy nghĩ bàn luận, cho đến tuổi thọ dài lâu như Tỳ-lô-giá-na, họ liền hôn hờ, chí cầu được vào chánh pháp, do những pháp môn như thế, nên Đức Phật nói các chỗ như thần lửa... đều có thể tạo dựng Mạn-đồ-la. Kệ nói:

Như ở trên đã nói

Hoặc chỗ ý ưa thích

Do lợi ích đệ tử

Phải vẽ Mạn-đồ-la.

Cho đến tìm các chỗ đất tốt đều không thể được thì cũng không thể để cho Mật giáo này không được lưu truyền, chỉ tùy theo điều mà tâm A-xà-lê ưa thích, nghĩa là chỗ đất có lợi ích, liền có thể dựng lập Mạn-đồ-la, nếu giải thích sâu, chỉ cần xem người kia có phần nhỏ gốc lành chân thật mong cầu, đều có thể chọn tâm địa của kia sửa sang cho bằng phẳng, để tạo dựng đại bi Mạn-đồ-la, lại chúng sinh này, cho đến ưa thích thuật nhỏ ở thế gian của Già Văn Đồ, Đồ Cát Nhĩ, cũng ở trong pháp môn này mà che chở dẫn dắt họ, khi có thể thấy được bản tôn này, thì tự nhiên được thấy vô lượng Thánh chúng.

Hỏi rằng, ở trên nói chọn trong hàng đệ tử, vị nào đầy đủ các đức, có khả năng làm pháp khí mới được chỉ dạy trao truyền, mà nay trong nghĩa chọn đất cho đến một chút điều lành nhỏ đều được trao truyền là vì sao?

Đáp: Trong đây, đệ tử có hai hạng: Nếu là đệ tử cầu truyền pháp xứng đáng nối tiếp địa vị A-xà-lê, nếu không có người kia thì hành đạo không có đạo lý; nếu đệ tử kết duyên thì điều lành giờ tay, cúi đầu đều được thu nhiếp; lại A-xà-lê hạnh sâu xa đã thấy rõ căn duyên, hoặc có người căn cơ đạo pháp đời trước đã chín muồi có khả năng làm pháp khí, nhưng ở trong đời này, chìm trong bùn đục, mà còn một ít gốc lành, do đó A-xà-lê liền chọn một phần nhỏ đất bằng trong đây, mở ra kho bí mật Mạn-đồ-la, cần gì đời người yên tâm rõ lý, mới làm Phật sự, vì thế không trái với trước đã nói.

Kinh dạy: Nay Bí Mật Chủ! Chọn lựa đất kia, phải loại bỏ, đá, sỏi, các vật dụng bị vỡ, đầu lâu người chết, lông, tóc, bả, cặn, vỏ trấu,

tro, than, xương nhọn, gỗ mục... và sâu, kiến, bọ hung, loài có nọc độc như rắn, rết, ong... kể là nói chi phần sửa đất. Nghĩa là trong chỗ đất đã chọn ở trước, lựa lấy chỗ đặt đàn, đào một khủy tay trở lại, ở trong đất kia, mỗi mỗi chọn kỹ, có các vật không dùng được và các loài trùng, đều phải loại bỏ, nếu có những thứ này thì hay sinh các nạn, đối với pháp có chướng ngại, chỗ kia đá, cát, sỏi, ít thì có thể chọn lấy nhưng phải chọn lựa bỏ đi, nếu cát, đá quá nhiều, chỗ này chứa nhóm chỗ kia lại có, không thể lựa bỏ cho sạch sẽ được thì phải bỏ để tìm chỗ khác.

Những tảng đá lớn bằng phẳng, có lời Phật dạy thì có thể ở trên đó lập Mạn-đồ-la, nhưng xen lẫn trong đất thì nên loại bỏ. Phong tục ở Phương tây là thường đựng thức ăn trong vật làm bằng đất nung, ăn xong thì bỏ, nghĩa là chạm đến dơ bẩn thì không chịu dùng nữa, như thế so sánh với các đồ vật làm cho hư hỏng khác, và đầu lâu, xương lẫn lộn, các thứ: móng tay, tóc, da, lông, cặn bã, vỏ trấu, cỏ hôi, đến các loại tro, than, gỗ mục. Tóm lại, tất cả những vật như thế đều không được dùng, vốn không phải đất sạch, đều lựa bỏ ra, nếu nhiều không thể lựa hết, cũng nên bỏ đi để tìm chỗ khác, vì thế nói là vân vân.

Trùng kiến, tiếng Phạm là Ngật-lật-nhi, đây là lời bao gồm tất cả, đều là loài trùng rất nhỏ, đều lựa bỏ đi. Khương Lang là loài trùng lớn, còn có nghĩa Khuừ dẫn (con giun)... Căn cứ theo đây có thể biết. Độc trùng: nghĩa là loài rắn, rít, con sâu cuốn chiếu, đều phải làm phương tiện xua đuổi đi, nếu nhiều không thể đuổi hết, tức là nạn xứ có chướng ngại, phải nên bỏ.

Kinh chép: Lìa các lỗi như thế, trường hợp này rất nhiều, người đắc ý gặp việc tự phải soi xét phân biệt, nghĩa là đất hoặc nghiêng ngã, hoặc cao thấp không bằng phẳng, hoặc sắc vị không đúng lời Phật dạy, trong màu sắc kia dùng màu vàng, màu trắng là tốt, nếu toàn màu đen thì không nên chọn lấy. Lại nếm vị ngọt, lạt thì tốt, cay đắng, mặn chát... thì không nên dùng, nếu đào thì phải lấp lại. Lại trong một khu vực thì phương Nam là đất xấu, nhưng có thể làm A-tỳ-già-lỗ-ca.

Lại nữa, A-xà-lê, đã biết tâm địa đệ tử, được có thể ở trong đó dựng lập đại Bi Mạn-đồ-la, tức phải trụ trong định sâu, xét kỹ phân biệt quán sát, dùng tuệ phân biệt lựa chọn, loại bỏ các dơ bẩn xen lẫn không nên dùng được, sau đó sửa lại cho chắc chắn, thật trang nghiêm, không như thế thì thói quen và nghiệp đời trước còn lại làm sinh ra chướng ngại.

Đá, sỏi: Nếu không tin chánh pháp, chấp chặt sự hiểu biết ngã phần, bác không nhân quả... vì khó có thể điều phục và thấm nhuần

dần dần nên cuối cùng không thể sinh mầm lành, ra công hun đúc cũng không được gì; chấp chặt nhỏ nhiệm rất nhiều không dung thọ lẫn nhau, do đó dụ cho cát, ngói. Ngói vụn, đồ dùng bị vỡ: Như gậy năm tội nghịch, phạm bốn giới cấm nặng, chệch bại kinh điển Đại thừa... do tâm khí bại hoại cho nên không làm được gì, bày thêm pháp vị cũng không dừng trụ, bị các điều lành làm thương tổn, trước phải dùng Trí tuệ phương tiện cao mới lựa bỏ được các chướng như thế.

Đầu Lâu: Như phá hoại, chướng ngại tâm Bồ-đề, thuở xưa đã đầy đủ nhân, pháp, ở trong các chi phần rất cao lớn, do mạng căn đứt, nên trăm thể hư hoại không làm được gì, duyên thói quen xấu này, giả sử khiến phát tâm Bồ-đề lại, cũng lại thành chướng ngại cho lòng tự vui, khiến lui sụt, vì thế càng phải gội trừ khiến hết các thói quen còn thừa.

Lông tóc: Nghĩa là sáu mươi tâm... cùng mầm lành tám tâm cùng thể mà sinh, cho đến xét rõ thì phải dứt bỏ, chưa được tâm xuất thế gian đến nay, xen khởi rối rắm khó được một mối, do đó gọi là lông, tóc.

Cám vỏ: Như Vô minh vọng tưởng, lại chấp chặt nói rộng nên chỉ được danh tướng bên ngoài (vỏ) mất đi tướng thật hạt gạo, do đó lấy làm dụ.

Tro than: nghĩa là ưa thích pháp nhỏ, khởi tâm Nhị thừa, nếu căn lành bị đốt cháy ở đây thì trở về với than, tro, không mọc được cành, lá, hoa, quả đại bi, vì thế dùng làm ví dụ.

Khắc xương: nghĩa là từng đối với chúng sinh làm các việc không lợi ích, hoặc phạm các luật nghi lật vật, đây là nghiệp chướng còn thừa, oán đối đời trước của sinh tử trong quá khứ, do đó gọi là Cốt.

Gỗ mục: nghĩa là loại không muốn biếng nhác, không thể gây dựng tài năng để thành bậc Thầy. Lại Văn phạm gồm có nghĩa gốc cây trụ, nghĩa là từ xa xưa đến nay, đối với các phiền não đã từng gây ra, các loại cỏ (phiền não, hoặc nghiệp) sâu chắc khó có thể nhổ bỏ, do các nghiệp quá khứ như thế, chừa đứng trong tâm địa, khi nhất tâm hành đạo việc ma dễ nổi lên, cho nên phải chọn lựa chuẩn bị sẵn, nếu nhiều không thể chọn lựa thì nên bỏ đất này riêng đi tìm chỗ tốt đẹp khác. Các loại trùng độc, sâu, kiến, bọ hung: dụ cho các thứ phiền não hiện hành. Sâu kiến dụ cho Si, bọ hung dụ cho Tham; trùng độc dụ cho Sân; loài này rất nhiều dụ cho tùy phiền não, những loài trùng nhỏ dụ cho vô lượng sự hiểu biết sai lầm, Quán những loài này đều có Phật tánh, càng phải giữ gìn chớ làm đứt mạng sống của chúng, chỉ nên tìm cách đuổi đi, không để cho cản trở sự hành đạo, không làm ô ế Mạn-đồ-la mà thôi, nếu muốn cho Đạo tràng rất thanh tịnh, một trăm sáu mươi thứ cấu nhỏ

thượng trung hạ đều phải chọn lựa không còn, cho đến quán đảnh trong đất không tốt sạch thì đều phải lựa bỏ đi, mới gọi là rốt ráo sạch.

Kinh chép: Gặp ngày tốt, ngày định thì phân ra chấp tức trực, thủy đều tương ứng, trước giờ ăn gặp việc tốt lành: cát tương tương: nhân việc chọn đất thuận tiện nói chọn chi phần “thời”. Hễ chỗ làm pháp sự đều phải khế hiệp với nghĩa “thời”, nay sắp chọn sửa đất này, cho nên vào ngày tốt thì kính báo Thần đất, các pháp sự khác lệ theo đây có thể biết.

Ngày tốt: Nghĩa là tác pháp thường dùng phần trắng sáng, trong đó các ngày mồng một, mồng ba, mồng năm, mồng bảy, mười ba đều là ngày tốt có thể làm Mạn-đồ-la. Lại trong tháng, ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm rất tốt, vào các ngày này thường tụng niệm, cũng nên gia công.

Ngày định: Lịch pháp ở phương Tây tính chung tháng thiếu hiệp với ngày nào, nếu tháng thiếu ở trong phần sáng trăng thì tháng kia ngày mười lăm tức là thuộc về phần tối trăng, không thể dùng. Lại lịch pháp tính chung mức độ đi song song nhau của mặt trời, mặt trăng, thường làm ngày mồng một, đều hiệp một tháng thiếu, một tháng đủ.

Nhân vì mặt trăng, mặt trời khi đi song song nhau lại còn có nhanh chậm, thỉnh thoảng vượt qua sự song song có khi không kịp song song, vì thế quyết định đầu tháng hoặc tiến, lùi một ngày, định nửa tháng hoặc ở ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm, tóm lại, trăng rằm chính là khi tròn đầy, trăng nửa vầng chính là khi như cây cung, cũng là ngày tám, chỉ cần lấy đây làm điểm quan trọng để y theo, liền quyết định được ngày. Thời phân: lịch pháp phương Tây ngày đêm đều có ba mươi thời, mỗi thời đều có tên gọi riêng, như ban ngày thì tính lượng bóng dài, ngắn, thời nào làm việc thì tốt, thời nào thì xấu, thời nào làm việc quân bình, mỗi mỗi thời đều có loại hình. Tức trực, nghĩa là hai mươi bảy đêm.

Chia khắp một ngày làm mười hai phòng, giống như mười hai lần ở trong đây, mỗi lần đều có chín chân, vòng quanh một ngày có một trăm lẻ tám chân, mỗi đêm đều được bốn chân, tức là mặt trăng đi được một ngày, trải qua hai mươi bảy ngày, tức là mặt trăng đi được một vòng nương vào lịch để tính, trăng ban đêm, tức là đêm thẳng đến ngày. Đêm có thượng, trung, hạ, tánh có cương, nhu, động, tịnh khác nhau, pháp sự làm ra cũng phải thuận nhau. Các chấp: Chấp có chín thứ tức là bảy sao: nhật, nguyệt, thủy, hỏa, mộc, kim, thổ và La-hầu, Kế Đô, cộng thành chín chấp. La-hầu là thần nhật thực, nguyệt thực giao hội. Kế Đô dịch đúng là kỳ tinh, nghĩa là sao chổi, trừ hai chấp này ra, bảy sao kia cùng

lần lượt thẳng đến ngày. Tánh kia cũng có thiện ác; như trong lịch Ấn-độ nói. Thực tiễn: Ngày, đêm đều có ba thời, tiền thực (buổi sáng) có công năng làm tiêu trừ tai họa, thời gian buổi chiều (mộ gian) có công năng tăng ích, ban đêm có thể làm việc hàng phục; nhập Mạn-đồ-la quán đảnh tương ứng với tiêu trừ tai họa, cho nên nói tiền thực.

Ngộ thiện cảnh giới ý: nghĩa là khi tác pháp hoặc khi ở trên đất; hoặc giữa hư không, có các tướng kỳ lạ như sắc, thanh... Trên đất: nghĩa là hoặc gặp đồng nữ, cầm năm thứ bình ngư vị, hoặc bình nước thơm, hoặc cầm vật đồng loại với luân ấn... hoặc là vật trong thế gian tôn kính trên hết, hoặc vật đựng đầy gạo trắng... sạch sẽ đầy đủ, hoặc mặc y phục trang nghiêm tốt đẹp, hoặc nói các lời tốt lành tương ứng, đều là tướng thành tựu. Hư Không: nghĩa là bỗng nhiên thấy mây làm khí tốt, mây năm sắc, khí trời đất hòa hợp, hoặc có cầu vồng sáng đẹp thường ở giữa hư không, chẳng phải thời mà thấy, hoặc có hình màu đỏ bay đi như hộ-ma thành tựu, hoặc bên mặt trời thấy có năm màu, hoặc làm hình người như an trụ trong vắng lặng hoặc ở giữa hư không có âm thanh hay, hay ho kỳ diệu, như bạch hạc, chim công, uyên ương, hồng nhạn (ông, kết), tiếng hót véo von êm tai, mọi người đều muốn nghe, các tướng như thế đều thành tựu.

Vì sao phải thuận theo thế đế? Vì nghĩa thù thắng Mạn-đồ-la nhiệm mầu vắng lặng, người tâm trong sáng hoàn toàn còn khó tin nhận, huống chi người có tâm hoài nghi lo sợ ư? Cho nên người cứu độ, từng học tập bốn bộ sách Vi-đà biết các kỹ nghệ, nếu thấy tạo Mạn-đồ-la mà thời phần sai lầm, thì có thể thuận theo sự nghiệp thế gian mà làm phương tiện gia trì, đem A-xà-lê khéo chọn thời tốt lành, cùng tương quan với Chân ngôn bản thể pháp nhĩ, để làm gia trì được xa lìa các chướng.

Lại nữa, các môn thế đế đều là ngọn cờ của pháp giới. Cái gọi là lương nhật thần: ý, là vào buổi sáng sớm, tâm Bồ-đề gặp điều tốt đẹp, A-xà-lê hạnh sâu xa trụ trong Du-già, quán sát người muốn độ, vốn khi bắt đầu trồng gốc lành, vừa lâu vừa xa, nhân duyên thuộc về ai? Từ đâu khởi việc? Như hành giả khi mới phát tâm, hoặc nhân thấy Phật nói pháp, hoặc thấy thần biến, hoặc thấy các việc khổ đáng thương, hoặc đối với Thanh văn, duyên giác, Bồ-tát mà phát Đạo tâm, các căn cơ giác ngộ khác nhau, hoặc trong thời như vậy tâm Bồ-đề có năng lực vắng lặng, hoặc thời như vậy có năng lực tiến lên, hoặc thời như vậy có năng lực mạnh mẽ, thuận theo các thứ Tất-đàn phương tiện mà kiến lập thì công phu không huống mất và không sinh ra các chướng ngại.

Định Nhật: nhật (ngày) dụ cho thân bốn tôn; nguyệt: dụ cho tu tập hạnh Du-già, do trăng định tâm của hành giả, hoặc lúc sáng lên, hoặc lúc tối lại, hoặc phát đi quá nhanh, hoặc phát đi quá chậm, hoặc vượt qua con đường trung, hoặc không kịp trung đạo, đến nỗi khiến các căn cơ giác ngộ cũng có thừa, thiếu, như chiếu theo lý thường thì định có thể đến duyên nào, trong thời nào phải nên kiến lập? Nhưng duyên cảnh có sự thay đổi, hoặc chưa đến thời, xử lại thuận thực, hoặc quá thời, xử này mới thuận thực, như thế tùy thời gian mà thay đổi, đều phải khéo biết, vì thế gọi là định nhật.

Thời phân: y theo mỗi Địa của hành giả, tự có mười tâm, mỗi tâm này đều có nhân, gốc quả, hiệp thành ba mươi tâm. Trong ba mươi mâu-hô-lật-đa này, cũng nên xem xét kỹ càng, phân biệt chọn lựa, thời nào có thể chiết phục được phiền não, thời nào có thể làm cho công đức thêm lớn, lợi ích, thời nào phải thuận theo trung đạo tâm yên lặng mà trụ, đó gọi là hiểu đúng tướng của “thời” vô cùng tỉ mỉ.

Túc trực: là người tu hành trăng Du-già đã có liên quan với duyên, cảnh, ở trong tất cả duyên cảnh, đều thấy tâm tánh, như ban đêm bày ra hình tượng của các loại, tuy khác nhau nhưng đều sáng tỏ, giống như trăng đi qua hai mươi bảy đêm, do đêm đã trải qua tốt xấu khác nhau nên khiến người ngắm trăng cũng lại khác theo, như sao Ky ưa gió, trăng đi vào sao Ky thì gió nổi, sao Tất ưa mưa, trăng đi vào sao Tất thì mưa xuống. Hạnh Bồ-đề hạnh cũng giống như vậy, gặp duyên đối cảnh thế lực khác nhau, khiến chiết phục, nhiếp thọ đến hạnh vắng lặng hay thực hành tùy theo phương tiện xoay chuyển, nếu A-xà-lê có thể quán sát sâu xa căn duyên hiểu biết việc đó, gọi là khéo quán túc trực.

Chín Chấp: Tiếng phạm là Phiếu-hà, nghĩa là chấp trì (cầm nắm), A-xà-lê phải quán sát lực tay của tâm kia, có thể nắm giữ việc gì thì mật ấn truyền trao không đến nỗi luống uổng. Như Kim cang tuệ ấn của các Đức Phật, chỉ có tâm Kim cang của Bồ-tát mới có thể giữ gìn được, nếu trao cho người ở Địa thấp thì danh từ chín Chấp, Bảy sao không tương ứng. Căn cứ trong cửu chấp: Nhật là dụ gốc tâm Bồ-đề thanh tịnh, tức là tự thể của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na.

Nguyệt: là dụ cho hạnh Bồ-đề, ngày mười lăm trăng sáng các hạnh đều tròn đầy, dụ cho Bồ-đề thành tựu, ngày mười lăm trăng tối các hạnh đều cùng tận, dụ cho Bát Niết-bàn, khoảng giữa và khi lên xuống, dụ cho năng lực phương tiện, phải biết đã nhiếp vào Bách tự minh môn. Sao Thổ giữ trong thai tạng, Thủy diệu giữ phía hữu, liên hoa quyến thuộc, sao Kim giữ bên trái Kim cang quyến thuộc. Mộc giữ

phương tiện trên quả đức Như lai, sao Hỏa, giữ phương dưới là các Minh đại lực.

Lại nữa, năm chấp như thế, tức là giữ năm màu Tô-đa-la. Thổ: là tín; Mộc: là Tấn; Kim là Niệm; Thủy là định; Hỏa là Tuệ. Còn hai chấp kia, La-hầu đứng đầu về ngăn che, sao Tuệ đứng đầu về thấy không tốt, cho nên không thẳng đến ngày.

Phần đầu ngày như tâm thanh tịnh hiện ra rõ ràng, phần giữa ngày như các hạnh phát khởi, phần cuối ngày như muôn đức đã đầy, công hạnh dần dứt; phần đầu đêm như tự chứng Địa trụ Đại Niết-bàn, phần cuối đêm như nhớ nghĩ thệ nguyện xưa khởi năng lực gia trì, đến cuối thì trở lại đầu, xoay vần không cùng tận. Thế mặt trời thì một mà thời phần bốn Châu đều khác. Nay ý Mạn-đồ-la này, muốn khai phát mặt trời tâm Bồ-đề, cho nên lấy thời tiền thực. Gặp cảnh giới lành là tâm vô tướng, vô cảnh giới, không phải hữu vi, vô vi, Phật dùng năm nhãn quán sát kỹ càng, cũng không thể thấy tướng mạo của kia, nhưng cũng có tướng các thứ gốc lành phát sinh, có thể biết được, nếu A-xà-lê thấy chân đế này thì hiện tại tự sẽ thông đạt, nếu chưa thấy đế thì phải ở trong Tam-muội quán sát cảnh giới kia, hoặc khi thấy kia tu hạnh sáu Độ, các thứ sáu Tể không thể gây khó khăn, cản trở, hoặc được các bậc Thánh khen ngợi cho đến thọ ký Bồ-đề, hoặc như trước các tướng trong Tam-muội hiện ra rõ ràng kỳ lạ có khác với bình thường, y theo nhân quả có thể dùng ý mà đắc, cho đến chỗ Phổ môn nhiếp nhau, cũng đều có thể biết.

Kinh chép: Trước phải đánh lễ tất cả Như lai, dùng kệ này kính phát địa thân: A-xà-lê sắp muốn kính phát Địa thân, trước vận tâm tư duy, thân Tỳ-lô-giá-na Vô tận trang nghiêm khắp cả pháp giới, tất cả Như lai trong ba đời mười phương, cũng giống như vậy, mỗi thân vô tận trang nghiêm trùm khắp pháp giới, từ địa vị Thập trụ cho đến Bồ-tát Sơ địa, phần chứng thân trang nghiêm, vô lượng, vô biên đầy khắp pháp giới không có kể hở, như dầu trong hạt mè. Phải quán thân này đến trước khắp tất cả Thánh chúng, đem ba nghiệp thanh tịnh, chí thành đánh lễ, do nhân duyên này được vô lượng phước, liền phải đem tâm Vô đảo thí cho đệ tử kia, nguyện không có chướng mạn, sớm thành Vô thượng Bồ-đề, kế đó phải nói kệ kính phát Địa thân.

Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khi mới ngồi Đạo tràng, nói với Ma vương rằng, ông nhờ đời trước thực hành Nhất vô tận thí, nay được thân Tự tại thiên chủ, nhưng ta từ vô lượng kiếp đến nay, tu đại Bố thí như thế không thể đếm xiết, cho đến thân, thịt, tay, chân cũng không

hối tiếc, làm sao so sánh sự hơn kém với ta được?

Ma nói: Việc ta làm phước ông đã làm chứng, còn nghiệp phước ông làm người nào sẽ chứng minh? Nếu không có người chứng minh tức là rơi vào chỗ thua. Bấy giờ, Bồ-tát duỗi thẳng tay phải hướng xuống đất nói lời chân thật: Xưa ta ở trên đất này hành đạo Bồ-tát, làm các việc khổ hạnh khó làm có Thần đất chứng biết, phải biết ngón tay này chính là thân mật ấn. Bấy giờ, vô lượng thần đất từ dưới đất hiện lên, bày nửa thân mình để làm chứng minh, Ma vương, quân chúng do đó mà lui tan.

Nay, A-xà-lê muốn giúp đệ tử không lâu nối tiếp địa vị Như lai, cũng dùng ấn này để kính phát Thần đất. Lúc ấy, Thần đất vui mừng nghĩ rằng, nay đệ tử này mới có thể kiến lập việc nhân duyên lớn, để đem giúp đỡ chúng ta khiến không có phiền não tổn hại, mà được cảnh giác. Ta nên phương tiện giữ gìn, cũng giúp cho lìa các nghiệp ma, nhờ năng lực các duyên này, liền khiến đất này đồng với Kim cang. Kệ A-lợi-sa đã nói gọi là Tự nhiên thành tựu Chân ngôn.

Nếu khi tác pháp, phải tụng bản Phạm, nay ghi chép đầy đủ; tụng bảy biến, tay phải năm luân ấn xuống đất.

Đất văn đệ vi sa ngật tử bộ đa tứ, dịch là trời đích thân giúp đỡ ông.

Tát ma bột đà năng dĩ nan, dịch là, các Đức Phật làm vị thầy dẫn dắt.

Triết ly dạ noa dã vĩ thế sát số: dịch là, tu hành hạnh thù thắng.

Bộ di ba la mật đa tố giả: dịch là Tịnh địa Ba-la-mật.

Ma la tắc niên dã tha hào nạn, dịch là, như phá các ma quân.

Xá ngật dã tăng hệ noa đá dĩ na: dịch là Thích Sư Tử cứu thế.

Đất tha ngân ma la nhược duyên ngật phiếu đỏa, dịch là ta cũng hàng phục ma.

Mạn đồ la lệ khư miệu ngân: dịch là Ta vẽ Mạn-đồ-la.

Ý kệ trước báo với thần đất rằng: Thiên nữ đích thân giúp đỡ ông và mặt đất này, đã từng cúng dường gần gũi các Đức Phật, vị Thầy dẫn dắt (cho hàng trời người) tu hành hạnh thù thắng, các đất đều sửa sang sạch sẽ, các độ đầy đủ thanh tịnh, và các thứ công đức khác, như trong Ma-ha Bát-nhã nói rộng phương pháp rõ ràng, vì thế nói là vân vân.

Ở đây giải thích bài kệ mỗi câu năm chữ vì Cú không thể còn đủ, nhưng trong Địa Ba-la-mật, cũng đã chứa đựng các đức này. Tiếp đến là kệ trình bày lý do, ý nói lời thành thật để khởi báo. Như ngày xưa, Đức Thế-tôn ở tại Bồ-đề Mạn-đồ-la, khi hàng phục các bọn Thiên ma

thì ông ở trong Đại hội hiện làm chứng minh, do vậy Thế-tôn hiệu là Thích-ca Sư Tử, có thể đi trong thế gian một mình để giúp người không lo sợ. Nay ta cũng muốn theo việc làm của Đức Phật, nối tiếp sự nghiệp Như lai, vì thế cho nên vẽ Mạn-đồ-la này. Ta tuy chưa được tất cả đồng với Như lai, nhưng nhờ ba mật được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na gia trì, nên cũng có thể hiện làm thân Phật, nhóm họp khắp tất cả đại hội Mạn-đồ-la, vì thế nay ông cũng phải hiện ra làm chứng minh, khiến các chúng ma quân không phá hoại.

Lại nữa, Địa thần là Thiên nữ, Nữ nghĩa là Tam-ma-địa, tức là Thế-tôn Đại Nhật, giữ gìn tâm địa Tam-muội của tất cả chúng sinh, như tướng thật Thế-tôn, ngày xưa ở tại Bồ-đề Mạn-đồ-la khi hàng phục Vô minh trụ địa, Ma vương và đại chúng nhiều như số cát, bụi, dùng tay Bát-nhã ba-la-mật thường đuổi năm lực, xét tâm địa của tất cả chúng sinh, khi ấy dùng Tam-muội hiện ra làm chứng minh, thế nên vô lượng chúng sinh và bốn thứ ma quân đáng độ, do đây lùi tan, vì thế hiệu là Tịch Nghiệp Sư Tử, có khả năng dùng thần thông tự tại cứu giúp thế gian. Nay ta cũng muốn làm cho tâm địa đệ tử ngay thẳng, vẽ thành đại Bi Mạn-đồ-la, ông cũng phải làm chứng minh, giúp hàng phục bọn Tứ ma.

Lại nữa, dùng tự môn giải thích A-lợi-sa này thì có vô lượng nghĩa, nhưng điểm quan trọng nhất của Tông kia, chính là trong chữ Tha. Tiếng Phạm Đạt-đa nghĩa là như, chữ đa kéo dài ở giữa tức là mang thanh A, vì tất cả pháp vốn bất sinh, giống như trong tướng thật không thêm không bớt, liền dùng nghĩa này khởi báo tất cả địa thần. Khi người ấy tụng kệ nên hai gối sát đất, quỳ thẳng dùng tay trí tuệ đuổi năm luân kia, bàn tay bằng phẳng đặt trên đất, mới tụng kệ A-lợi-sa này, bảy lần ấn gia trì bảy biến.

Đây gọi là chân ngôn ấn tương ứng. A-xà-lê nói: khi muốn tu pháp này, trước dùng Tam-muội-da tự tánh pháp giới Kim cang để gia trì tự thân, đều như trong pháp cúng dường đã nói, dùng Tự môn La, tự thanh tịnh tâm địa và đất trong đạo tràng này rồi, ở trong Du-già, trước khởi Phong luân bán nguyệt, dùng ha tự gia trì, kế đến khởi Thủy luân phước tự gia trì, tiếp theo khởi Kim cang địa luân, dùng A tự gia trì, xét kỹ tất cả tên rõ ràng tương ứng, khó điều hòa tâm và hơi thở, một hơi tụng tự môn A nối nhau không dứt quãng, hết hơi thở lại rồi lại tụng tiếp, hoặc một hơi, hoặc ba hơi, cho đến khiến có sự xúc chạm, do tất cả duyên, phương tiện như thế liền nhập Tam-muội, đợi đến khi thấy Đại hội các Đức Phật, Bồ-tát bí mật trang nghiêm, hoặc thấy các tội lỗi ở trong

ngoài, giữa địa.

Kinh chép: Dùng hương, hoa... cúng dường: không những cảnh phát mà thôi, lại phải dùng các thứ hương, hoa, đèn cúng... cúng dường các Đức Phật khắp mười phương và thần đất, nhưng trong đất này có ba thứ: nghĩa là dùng Tự môn La, trừ sạch tâm địa mình, tâm địa đệ tử và đất đạo tràng, đều dùng tự môn A giữ gìn khiến thành Kim cang, nếu căn cứ vào bí mật mà giải thích về nghĩa cúng dường thì nghĩa cũng giống như vậy. A-xà-lê dùng tâm Bồ-đề thanh tịnh và các thứ công đức, hồi hướng tri ân Nhất thiết trí, tức là cúng dường tất cả các Đức Phật và vị giữ đất trong pháp giới, bố thí công đức này cho đệ tử, giúp đỡ thành tựu nhân duyên Phật, tức là tâm đệ tử cúng dường tất cả các Đức Phật và vị giữ đất trong pháp giới, nếu phải trang nghiêm đạo tràng Kim cang này thì liền đem pháp cúng dường tất cả các Đức Phật trong mười phương pháp giới, cúng dường xong, lại nên quy mạng tất cả Như lai, so sánh có thể biết.

Kinh chép: Sau đó sửa sang đất, như kia sẽ lần lượt đầy đủ các đức, nghĩa là hễ muốn tạo Mạn-đồ-la thì trước phải tác pháp như vậy, mới đào đất chọn sửa, đất cũng gồm ba thứ nghĩa: Giải thích cạn lược, sâu kín và cả cạn lẫn sâu, cho đến lần lượt đủ các chi phần như kinh đã nói do đó nói phải đầy đủ các công đức.

Bấy giờ, Kim cang thủ vì muốn phát minh ý chỉ sâu kín của Như lai, để dứt trừ tâm nghi ngờ của đệ tử đời tương lai, đầu mặt lạy dưới chân Thế-tôn, mà nói kệ rằng: Phật pháp lìa các tướng, cho đến không thuận pháp đúng đạo: nghĩa là ta đích thân theo Phật nghe tướng thật các pháp xa lìa tất cả các tướng, pháp Phật an trụ trụ ở pháp vị, hoặc Như lai ra đời, hoặc không ra đời, thường trụ vắng lặng không thể suy nghĩ bàn luận, không phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu, cũng không thể dùng pháp đong lường, thí dụ mà hiển bày được. Nếu pháp tướng thường như vậy thì không phải do các Đức Phật làm ra, huống chi các tướng hữu vi có thể nhóm họp mà thành ư? Vì sao bậc Đại tinh tấn là trời trong các trời, nay mới nói sự tướng hữu vi như chọn đất tạo đàn... này? Cho đến lần lượt hành pháp chân ngôn, khiến người tu hành, sắm các vật cúng dường như hương, hoa... miệng theo sự giác quán nói rằng, thân bất chước oai nghi tay bất ấn, tâm duyên sắc mặt, hình dáng, địa vị của bốn tôn, đã là hữu vi hữu tướng, đâu thể chân chánh thuận theo đạo của pháp nhĩ vô vi vô tướng. Cúi mong Đức Thế-tôn khai phát lý thú sâu xa trong đó, để dứt trừ lời nói vọng chấp và lòng nghi ngờ chệch lạc của thế gian.

Bấy giờ, Bạc-già-phạm trở xuống, Thế-tôn dùng kệ đáp rằng: Trước hết nói người khéo nghe tướng của pháp: vì tướng thật các pháp nghĩa sâu sắc khó hiểu, vì thế dạy bảo khéo nghe. Pháp thường vô tánh từ các duyên sinh, tức là tướng ba tâm vượt các lời nói rộng, ông lại muốn ở chỗ nào mà tìm cầu pháp vô tướng vô vi? Do đó câu tiếp theo nói: Pháp li phân biệt và tất cả vọng tưởng... Nếu hiểu rõ các pháp vốn không có tướng như thế thì soi thấy tướng thật của tâm, từ bất nguồn đến nay thường tự bất sinh, bấy giờ tất cả nghiệp thân, miệng, ý đều như hư không không thể cùng tận, vì thế nói ta thành Tối chánh giác, rốt ráo như hư không, nhưng tất cả ngu đồng, phàm phu, vì không biết như thật, tà kiến điên đảo, vọng chấp các cảnh giới.

Cái gọi là thời phần, các tướng mạo... tham muốn vô minh che lấp, thường bị nước ái thấm nhuần, vô minh che lấp. Nếu ta xả bỏ phương tiện, thẳng vì chúng sinh nói pháp tự thể như thế, họ làm sao hiểu ngộ mà có thể gắng sức tiến lên, do đó ý bài kệ tiếp theo là nói về ý lập giáo, rằng vì độ họ, nên tùy theo phương tiện mà nói. Ý Đức Phật dạy: Vì pháp tướng sâu xa của ta không thể giảng nói ngay được, nên dùng năng lực phương tiện, phó thác cho Mạn-đồ-la đầy đủ duyên chi phần này, khiến người nghiệp nhẹ, gá tâm hữu Địa, chỗ làm bất không, đây chính là nhờ Phật gia trì, gồm được quán sát mười Duyên Sinh Cứ, có khả năng bất động tướng thật mà thần thông dạo chơi. Quán khắp tất cả Thiện tri thức, trang nghiêm tất cả cõi nước của các Đức Phật, không muốn cho những người tu hành buông bỏ các hạnh, trụ trong vô minh, lại không để cho chấp trước các hạnh, trú trong hữu tướng, vì thế nói, tuy nói thời phương tạo ra nghiệp, mà thật sự không có thời, phương, không tạo không tác, tất cả các pháp kia, chỉ trụ trong tướng thật. Nếu tất cả pháp hữu vi thấy đều trụ trong tướng thật, há được như người ngu kia, hoặc muốn chạy trốn hư không, hoặc muốn tham đắm hư không hay sao?

Lại nữa, A-xà-lê, trong đây nói rộng về ví dụ ba xe trong kinh Pháp Hoa, như các con của trưởng giả thơ bé thiếu hiểu biết, dù dùng các lời khéo léo khuyên bảo, muốn cho chúng ra khỏi nạn lửa, nhưng cuối cùng không thể được. Bấy giờ trưởng giả quán thân tâm của chúng chỉ tham muốn vui chơi, liền phương tiện bảo rằng: Nay ở ngoài cửa này có ba thứ xe đẹp, các con hãy ra lấy để tự vui chơi.

Lúc đó, các người con vì nghe nói dạo chơi, hợp với ước muốn của họ, lòng đều mạnh mẽ tranh nhau mà ra, và những người ấy được xe báu trang nghiêm bậc nhất, mới không phải chỗ của họ mưu tính trụ

tâm. Pháp môn Mạn-đồ-la này cũng giống như vậy.

Như lai đem nhân duyên sự tướng thế gian, ví dụ so sánh với khuôn mẫu pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, để cúi xuống theo bắt các căn cơ của chúng sinh, nếu có thể chịu nắm giữ, liền có thể tín giải Phổ môn tinh tấn mạnh mẽ tu hành cho đến khi được Tam mật che chở, khi tự thấy tâm rõ đạo, mới biết các thứ danh ngôn đều là mật hiệu của Như lai, cũng không phải cái mà người thường mưu tính.

Như nói ba tháng trì tụng, mới là tánh tịnh tròn sáng trong ba chuyển phương tiện, đâu thể làm chín câu để hiểu ư? Lại như Đức Phật Bảo Tràng ở phương Đông, chính là nghĩa bắt đầu phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, đâu được chỉ làm bốn phương để hiểu. Lấy đây để so sánh thì các pháp môn khác, đều thể dùng ý hiểu rõ, do đó mới thật không có thời phương, cho đến chỉ trụ trong tướng thật.

Lại nữa, lòng từ bi lớn lao vô hạn của Thế-tôn, thương xót các chúng sinh đời vị lai căn độn chướng nặng, không thể liền vào pháp giới. Ở trong kho bí mật này, dùng phương tiện xoay chuyển tổng trì còn cả phương tiện cạn, lược, nếu ở trong sự tướng tư duy tu tập, cũng thành Tất-địa thế gian, công đức không lường lường, ba mật thâm giúp cuối cùng thành quả Phật; cho nên bài kệ sau nói.

Lại nữa, này Bí Mật Chủ! khi đến đời đương lai, các chúng sinh trí tuệ thấp kém, do si ái tự che lấp, chỉ nương vào hữu tướng, thường ưa thích đoạn, thường, thời, phương tạo thành nghiệp, các tướng thiện, bất thiện, mù tối mong cầu quả vị, không biết đạo này vì độ họ, nên thuận theo phương tiện mà nói. Vì thế nên người truyền pháp, phải khéo biết căn duyên, lại biết phân chia pháp môn, nên tùy bệnh cho thuốc chớ để sai lệch căn cơ, nếu người chấp tướng, mà liền vì họ nói nghĩa “không” sâu xa, thì khiến họ sợ hãi, nghi ngờ tăng thêm sự bất tín. Nếu người lợi căn trí sâu, mà trao cho pháp môn cạn lược thì họ cho là không thuận với Chánh đạo vô vi, mà sinh khinh lờn ngạo mạn. Đối với người đã không có lợi ích, thì mình cũng phạm Tam-muội-da vì thế cho nên trước an trụ trong Du-già quán sát ngọn, gốc nhân duyên kia. Khéo hiểu biết rồi, phải quán xét ý tạo quyền bày thật trong câu vấn đáp này, phân tán nhập vào tất cả các pháp môn phương tiện để dạy bảo truyền trao thì có thể lợi ích rất nhiều, cho nên không sinh chướng nạn.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Trong nơi chốn đã nói ấy, tùy theo trong mỗi địa sửa sang cho vững chắc, lấy Cù-ma-di và Cù-mô-đát-la chưa rơi đến đất, trộn nhau bồi lên, sau dùng hương hoa chân ngôn sái tịnh; như trong “giáo” đã nói. Hễ tạo Mạn-đồ-la, trong bảy ngày phải

xong. Ngày đầu tiên, A-xà-lê phải trụ trong tự tánh Đại nhật Như lai, sau đó khởi báo thân đất, phương tiện nghiêm thân đều như trong thứ tự cúng dường đã nói. Khởi báo rồi, liền dùng Bất động tôn chân ngôn giúp thêm. Sau đó, đào đất đúng như pháp chọn sửa, kia trước nên đào trong lòng chừng một khuỷu tay. Chọn xong lại lấp trở lại, nếu lấp đầy còn dư là bậc Thượng, như cũ là bậc trung, không đầy là bậc hạ, như thế lần lượt trừ các lỗi rồi. Sửa sơ chỗ đất đào, lấp lại qua loa, dùng nước tiểu bò tươi lên cho bền chắc, bằng phẳng giống như bàn tay.

Sau dùng Cù-ma-di, Cù-mô-đát-la hòa hợp lấp chỗ hở, nếu giải thích cạn cột qua loa thì đây là phân và nước tiểu bò, vì bất chước theo phong tục ở phương này cho là trong sạch. Theo giải thích sâu thì cù: nghĩa là hành, do nhập tự môn A là các pháp vô hình.

Ma: nghĩa là Ngã; Di nghĩa là Thừa. Vì sao các pháp vô hành? Vì tất cả pháp ngã không thật có, nếu không có ngã thì không có chỗ nương và người nương, ấy mới gọi là Đại thừa, Cù-mô nghĩa giống như trước đã giải thích. Đát-la nghĩa là như như, xa lìa bụi nhơ, tức là thực tướng của tâm. Nếu hành giả có khả năng sửa sang tâm thanh tịnh như thế thì có thể thanh tịnh rốt ráo lìa các chướng ngại; hễ chọn đất sửa sang thì phải biết phương phần của nó, tức xuyên qua trong lòng Mạn-đồ-la sâu khoảng một khuỷu tay, để thành xong các việc chân ngôn, gia trì ngũ bảo, năm thứ hạt và ngũ dược.

An trí trong đó, trừ bỏ dơ bẩn... như trong pháp cúng dường nói. Nếu giải thích sâu xa tức là an lập báu ngũ trí trong tâm Bồ-đề, có thể khởi sinh năm thứ mầm lành, dứt trừ năm thứ tội lỗi, cho nên nói năm thứ hạt, ngũ dược. An trí như vậy xong, lại còn xoa vật sạch cho thật ngay thẳng, phải lấy bình muốn quán đảnh, đem đựng nước sạch, chớ cho quá đầy, xen vào các hoa quả, đặt giữa ngũ bảo, cốc, dược, chôn đặt ở chỗ quý. Từ ngày thứ ba sau khi đặt bình, mỗi ngày phải ba thời, tụng biện sự chân ngôn một trăm lẻ tám biến gia trì vào bình này, sau đó làm các việc khác.

Cho đến tối ngày thứ tư, sau dùng hương thủy chân ngôn gia trì nước hoa, hoặc một trăm lẻ tám biến cho đến ngàn biến, sau đó mới sai tịnh. Chân ngôn ấy là: Nam ma tam mạn đa bột đà nãm ha bát la đế mê già già na tam mê tam ma đa nô yết đế bát la (ra) ngật lật (phiếu) để vi du (thâu) đệ dạt ma đà đố vi thú dạt nhĩ tóa ha.

Câu đầu quy mạng khắp các Đức Phật, như ba thân Đức Phật Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả mọi nơi, tất cả Như lai trong mười phương ba đời, cũng giống như vậy, đều cũng đem tâm trùm khắp, tất cả quy mạng

xong, sau đó nói chân ngôn này, muốn khiến cho các Đức Thế-tôn này không vượt qua bản thể, cùng gia trì mà làm chứng minh. Các chân ngôn dưới so sánh như vậy, không giải thích rộng nữa.

Trong câu thứ hai, ban đầu lấy thể tự môn A làm thể của chân ngôn, cái gọi là chữ hạt giống. Các tự môn khác, đều để trang nghiêm chữ này. Vì tự môn này chính là nguồn gốc tâm Bồ-đề, nay đã làm đại bi tạng Mạn-đồ-la chúa, trước dùng nước thơm sái tịnh, đều là sữa tâm địa như thế, khiến xa lìa các sự dơ bẩn. Nếu nói về cảnh bên ngoài, cũng là giữ gìn tâm địa kim cang, thế nên các chữ khác đều làm thành tự “tự” môn này.

A tự nghĩa là tất cả pháp vốn bất sinh; kể nói chữ Ba-la, Ba là Đệ nhất nghĩa đế; La là trần, dùng tất cả chữ đều nhập tự môn A, tức là bụi như xưa nay bất sinh. Bụi như xưa nay bất sinh, chính là Đệ nhất nghĩa đế có chỗ nói là Tâm Bồ-đề thanh tịnh, kể là chữ ĐỂ, chính thể là tự môn Đa, do mang âm thanh Tam-muội nên chuyển làm ĐỂ.

ĐỂ nghĩa là tâm, cũng là nghĩa như như, như như trong tướng như thật của tự tâm, tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh, tâm Bồ-đề thanh tịnh đối với các pháp đều không đắm nhiễm thì gọi là Tam-muội Liên hoa. Người trụ trong Tam-muội đó, cho đến tướng không của các pháp cũng không thật có, cái gọi là đại không của các Đức Phật.

Tiếp đến nói chữ Sa, chữ ma, do định, tuệ bằng nhau, đầy đủ âm thanh Tam-muội, cho nên nói là Tam mê. Trong đây chỉ căn cứ tự môn để giải thích, như các kinh luận Đại thừa, căn cứ vào bốn Tất-đàn, bốn Bất Sinh... dùng các thứ nhân duyên ví dụ giảng nói rộng tự môn A thì có vô lượng nghĩa cú.

Lại vì trong tất cả nói năng đều mang âm thanh A, mỗi tự môn đều có tất cả tự môn, nếu người đặc ý sẽ tự tại chuyển xoay mà nói, dưới đây, không thể nói đầy đủ.

Lại nữa, trong chân ngôn, có nghĩa tự, có nghĩa cú. Nghĩa tự như trước đã nói, còn nghĩa cú thì A-bát-la-để-ta-mê này nghĩa là vô đẳng vô đối, nghĩa là tâm địa Mạn-đồ-la vương này, vượt qua tất cả lời nói ví dụ, cho đến không có một pháp nào so sánh được, do đó nói là vô đẳng. Vì sao? Vì bao gồm đầy đủ ý nghĩa đã nói như trên.

Nghĩa câu thứ ba nói sánh đồng hư không. Nói tâm địa này, rốt ráo thanh tịnh không phân biệt, không bờ bến, sánh đồng hư không.

Lại nữa, tự Già môn nghĩa là hành. Na: là Đại không, đối với pháp nghĩa được tự tại, đem tự môn Già nhập vào tự môn A. Tất cả pháp từ xưa đến nay đều không chỗ làm. Như lai đối với pháp này đến nơi Thật

tế.

Lại nữa, không chỗ làm, do không làm, tức là trụ trong Đại không đối với pháp tự tại, vì tâm địa ta cùng Đại không này tốt ráo giống nhau. Phải biết tâm địa đệ tử và đất đạo tràng, cũng giống như vậy, vì thế nói sánh đồng hư không.

Câu thứ tư nghĩa nói: Đẳng tùy. Đem Kim cang địa sánh đồng hư không thì có thể đồng khắp tất cả chúng sinh giới, khắp hiện thân tùy loại, cho nên có thể vẽ làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, Bà nghĩa là lậu, Ma nghĩa là Ngã, nghĩa là ý, các chúng sinh giới này vốn bất sinh cho nên thấy đều như như, cho nên pháp giới, chúng sinh giới tốt ráo đồng nhau. Nỗ: là Đại không Tam-muội, Như lai trụ trong Tam-muội Đại không này, không đi không đến, cũng không qua lại, nhưng có thể biết tâm lượng của kia tùy duyên ứng hiện, vì thế nói là Đẳng tùy.

Câu thứ năm nghĩa nói: Bản tánh tịnh ấy, trở lại giải thích tự môn A tâm Bồ-đề thanh tịnh, và nghĩa nước thơm. Như lai dùng hương đẳng chí pháp giới, hòa hợp Tam-muội với đại Bi, có thể rửa khắp tâm địa tất cả chúng sinh, trừ bỏ những dơ bẩn kia. Vì sao? Vì Bản tánh kia vốn trong sạch, như tánh nước vốn sạch nên có thể rửa sạch các chất dơ bẩn nước thơm của Như lai cũng giống như vậy, do vốn trong sạch, có thể làm sạch tâm cho tất cả chúng sinh.

Tiếp theo, nói nghĩa câu thứ sáu là trừ sạch pháp giới, giống như nước thơm rải trên đất để trừ chất dơ. Như lai cũng giống như vậy, dùng nước hương tánh tịnh hòa hợp với nước bi tánh tịnh, tưới khắp vào tâm địa tánh tịnh của chúng sinh trong pháp giới, để khiến tất cả nói rộng đều trừ sạch, cũng phải đem các tự môn mà nói rộng, vì tất cả Như lai đồng nói thệ lớn như vậy, cho nên gọi là “Chân ngôn”.

Lại nữa, pháp giới, tức là chúng sinh giới, chúng sinh giới tức là tâm giới, tâm giới tức là bản tánh thanh tịnh. Bản tánh thanh tịnh tức là đến khắp tất cả, giống như hư không. Giống như hư không tức là Vô Đẳng, Vô đẳng tự môn A như hư không không có bờ mé (giới hạn), do đó phải biết tự môn A cũng vô biên, như hư không vô nhiễm, không biến đổi, không động, vì thế nên biết tự môn A cũng không nhiễm, không thay đổi, không lay động, như hư không xa lìa tất cả tướng mà bao gồm muôn hình (loại), xa lìa tất cả tạo tác mà thành tựu nghiệp nhân các việc ở thế gian. tự môn A cũng giống như vậy, vô tướng vô tác mà đầy đủ vô lượng trang nghiêm, thành tựu nghiệp phổ môn không thể suy nghĩ bàn luận, như thế phải đem các môn tự tại để nói, nhưng

lại có vô lượng, vô biên pháp chưa từng có, không phải hư không kia có thể ví dụ được, vì thế cho nên tự môn A là hạt giống chân ngôn, vượt qua các thứ ví dụ.

Câu cuối, nói: Tóa ha, nghĩa là cảnh giác, vì tất cả Như lai khi còn hành đạo Bồ-tát, đồng thấy nghĩa như vậy, chắc chắn Sư tử hồng phát lời thành thật: Ta cần phải đem tự môn A này làm sạch khắp vô tận chúng sinh giới, nếu thế này của ta không luống dối, thì có tất cả chúng sinh đọa tụng lời thành thật của ta không thiếu pháp tắc thì sẽ đầy đủ như sở nguyện của họ, nay ta tùy theo Tam-muội-da của Như lai dạy nói chân ngôn này, chỉ xin không trái với Bản thế khiến đạo tràng ta đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh, do đó nói “tóa ha”.

Dưới đây các chân ngôn nói Tóa ha, nghĩa kia đại khái giống nhau. Hễ khi nào là nội ngữ bảo, thì phải kính lễ các Đức Phật trong mười phương, mà thỉnh bạch rằng, con ngày mai thực hành thỉnh pháp, từ đây đến ngày thứ ba về sau, dần phải chắc chắn phương vị Mạn-đà-la lớn hoặc nhỏ, hoặc bốn khủy tay hoặc mười hai khủy tay... Cho đến chỗ ngôi vị của các bậc Thánh, trời, đều dùng bạch-đàn tô điểm ghi nhớ, nếu A-xà-lê không thể nhớ đầy đủ, cho đến vẽ hình tượng của kia, hoặc ghi chữ để nhớ, mỗi thứ phải cho rõ ràng, và dùng nước thơm sái tịnh xong, phải dùng bạch đàn bôi làm đàn tròn, chừng mười hai ngón tay, trước hết đặt thai tạng Đại nhật Thế-tôn ở giữa, kế ở phương Đông chỗ rất mạnh mẽ đặt ngôi thứ tất cả Như lai. Góc Đông Nam là chỗ Chân-đà-ma-ni, đặt ngôi thứ tất cả Bồ-tát. Tiếp đến góc Đông Bắc chỗ hư không nhãn, đặt ngôi vị Phật mẫu.

Lại nữa, ở bên phải Phật Đại Nhật đặt ngôi thứ Liên Hoa Thủ, ở bên trái Đức Phật Đại Nhật, đặt ngôi thứ Kim Cang Thủ, tiếp theo ở góc Tây Nam đặt ngôi thứ bậc Thánh bất động, góc Tây Bắc đặt ngôi vị hàng Tam Thế, phía Tây là chỗ cửa thông suốt, đó là chỗ ở của A-xà-lê, chỗ tu cúng dường Du-già.

Kinh chép: Trước, thân ta thứ nhất, tức là ngôi thứ Tỳ-lô-giá-na, lại năm Đức Phật phải cùng đặt một đàn, thứ hai là các vị Cứu thế, tức là các Đức Phật, Bồ-tát, cũng chia làm hai ngôi thứ; thứ ba kia đồng nhau, tức là Phật mẫu. Như lai gọi là “Vô Đẳng”, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cho là Vô đẳng đẳng, cho nên nói kia đồng nhau. Thứ tư là Liên hoa thủ. Thứ năm Kim cang bộ chủ. Thứ sáu nói Bất động tôn thì hàng tam thế có thể biết. Đây tức đều là thành biện các việc trì minh. Phải biết nêu sáu ngôi thứ này thì nhiếp tất cả chư tôn.

Làm như thế xong, phải sắp bày đầy đủ hoa, hương cúng dường,

chiếu theo đồng với nghi thức thứ lớp cúng dường, sau đó quán thành đài hoa sen báu, cung điện quý báu, trong đó trải tòa, trên tòa đặt đài hoa sen trắng, đem tự môn A chuyển làm thân Như lai Đại Nhật, màu vàng tím như vàng côi Diêm-phù-đàn, như tượng Bồ-tát, đầu đội búi tóc như cái mũ, thân hình đều phát ra các thứ màu sắc sáng rực mặc áo lụa tốt, đây là cờ nêu thành Tối chánh giác Thủ-đà-hội thiên của các chúng Thánh côi kia, y phục côi trời nhẹ nhàng tốt đẹp, cho đến không có thù lượng bản chất nghiêm sạch, lại không giả gói trang sức bên ngoài, cho nên Thế-tôn đồng tượng kia.

Nếu người thực hành thâm bí thích thì tướng Như lai trang nghiêm tinh diệu, pháp nhĩ vô giảm, không tạo tác để thành, cho nên không dùng các vật báu bên ngoài để trang sức, cho đến các Bồ-tát Thập trụ, còn do nương vào thần lực Đức Phật được thấy thân gia trì, các vị ấy đối với thể thường tịnh, như tại lụa tốt, do đó lấy làm so sánh. Vàng côi Diêm-phù, cũng là tánh sạch tự nhiên, màu lại rất đậm, nói trí tuệ Kim cang Đức Phật rất sâu sắc mẫu nhiệm, toàn thân phát ra các thứ ánh sáng, tức là Phổ môn mở bày Đại tuệ rõ ràng.

Kế là ở trên bốn phương tám lá, quán sát các Đức Phật bốn phương. Phương Đông quán Bảo Tràng Như lai, như mặt trời bắt đầu hiện ra màu đỏ sáng, Bảo Tràng nghĩa là phát tâm Bồ-đề, ví như vị tướng quân thống trị mọi người, cần được cây cờ, sau đó chia ra từng bộ đều nhau, có thể phá nước thù địch thành công danh lớn. Muôn hạnh Như lai cũng giống như vậy, đem Nhất thiết trí nguyện làm lá cờ, ở dưới gốc Bồ-đề hàng phục các quân Tứ ma, cho nên lấy làm tên, màu sắc như mặt trời buổi sáng cũng tương ứng với nghĩa kia.

Phương Nam quán cây Ta-la chứa hoa nở bày Phật, thân tướng màu vàng, phát ra ánh sáng cùng khắp như trụ trong tướng nêu của Tam-muội Ly cấu, bắt đầu từ hạt giống (hạt giống) tâm Bồ-đề, nuôi lớn đại Bi muôn hạnh, nay thành giác khắp muôn đức mở bày, vì thế lấy làm tên. Lìa cấu tức nghĩa là Đại không, khi chứng Đại không này, giống như vàng thật trải qua trăm lần nấu các dơ bẩn đều hết; thân tướng Phật cũng giống như vậy. Đây là vàng tốt nhất ở thế gian, nếu so sánh với vàng ở Diêm-phù-đề thì màu nhạt lại đục, không được tự nhiên trong sáng soi suốt như kia. Vì Phật trên hoa là từ tâm lượng nhân duyên sinh ra nên có sự hàng phục khác nhau.

Tiếp đến phương Bắc quán Phật Bất Động, thực hành xa lìa sự nóng bức được hoặc mát mẻ, trụ tướng vắng lặng. Đây là trí Niết-bàn Như lai, cho nên gọi nghĩa là bất động, không phải tên gốc của Ngài.

Tên gốc phải nói là Cổ Âm Như lai, như trống trời đều không có hình tướng, cũng không chỗ an trụ, nhưng có thể giảng nói pháp âm đem đến sự giác ngộ cho chúng sinh. Đại bát Niết-bàn cũng giống như vậy, không giống như Đại thừa vắng lặng hoàn toàn đều không có diệu dụng, cho nên lấy làm dụ.

Kế đến ở phương Tây quán Đức Phật Vô Lượng Thọ, đây là Như lai phương tiện trí, do chúng sinh giới vô tận nên phương tiện Đại bi của các Đức Phật cũng không cùng tận, vì thế gọi là Vô lượng thọ. Tiếng Phạm nhĩ nhĩ, nghĩa là Nhân giả, lại vì hàng phục bốn ma nên gọi là Thắng giả (người chiến thắng) cho nên kê dịch đủ nghĩa ấy, nghĩa là người có lòng nhân thù thắng. Hai Đức Phật này cũng làm màu vàng ròng, hơi nhắm mắt nhìn xuống, có hình Tam-muội tịch diệt, các Đức Phật cũng lệ theo như thế. Bốn góc đài hoa có bốn Bồ-tát, như văn sau nói.

Tất cả ngôi vị Như lai, chỉ quán một Đức Phật ở trong đàn vàng thì giống như tất cả thân Phật, ngoài ra hình tượng ngôi thứ khác nhau đều nương vào kinh, đều phải chuyển tự thành thân, khiến mỗi thứ được rõ ràng. Phạm phương pháp Mạn-đồ-la chuyển Tự thì tất cả Chư tôn đều dùng hạt giống tự gốc, hoặc dùng các Tự bộ khác thường dùng, như ba bộ A, Bà, Phạ... Nếu sợ thiển hạnh A-xà-lê, không thể nhanh chóng xoay chuyển như thế, chỉ quán tự môn A sinh vô lượng ánh sáng, ánh sáng đến chỗ nào, liền hiện thân của Tôn vị kia, đến đêm pháp sự, cũng đều phát ra như đây.

Hễ khi tu quán hạnh, trước phải lấy Ngã tự giữ gìn thân, giống như trong pháp cúng dường nói, liền quán tự tâm thành tám cánh hoa sen. A-xà-lê nói: người tâm trạng run sợ, vẫn đục, giống như hình dáng hoa sen búp chưa nở, có gân, xương đại khái làm thành tám phần, nam tử xoay lên, nữ nhân xoay xuống, trước quán hoa sen nở tròn, thành tòa hoa sen trắng tám cánh, trên đài này phải quán chữ A có màu Kim cang, trước hết ở giữa đặt bách quang biến chiếu vương, lại dùng mắt vô cấu quán sát, dùng đây tự gia trì, liền thành thân Tỳ-lô-giá-na. Dùng phương tiện này quán thân Tỳ-lô-giá-na, khiến không hai không khác với thân ta, lại trong Nhị minh vương gọi là trụ ở nhà Phật.

Đến khi vẽ Mạn-đồ-la xong, A-xà-lê rời tòa ngồi ra ngoài cửa, phải ở trong giai vị nhà Phật này, ý muốn đặt tôn thân hoặc kinh Bát-nhã chỗ nào thì đem vàng quý đựng đầy mâm tô điểm trang nghiêm cúng dường, hoặc đặt ở chỗ râu chuỗi hoặc chày Kim cang hoặc mõ kim cang. Lại hễ khi muốn chọn sửa đất thì phải tự quán tâm trên hoa

sen, ngọc quý như ý trong ngoài sáng suốt, khi người ấy quán sát kỹ, thì tất cả tướng thiện ác đều hiện trong đó. A-xà-lê phải dùng tuệ phương tiện mà chọn lọc sửa sang, cho được chắc chắn ngay thẳng, quán tâm đệ tử cũng giống như vậy, ý thú sâu kín trong đây có thể dùng ý mà được. Hành giả trụ trong nhà Phật, như trên người nào quán Thánh tôn xong, phải chuyển a thành phạ, Kim cang Tát-đỏa gia trì tự thân, dâng hiến hương hoa... đúng như pháp cúng dường, đều giống như trong pháp thứ lớp nói rộng, sau đó khởi tâm đại bi chí thành sâu xa tụng thỉnh kệ A-ly-sa, như văn kinh.

Nay có tiếng Phạm như dưới đây:

Tam mạn phạ ha lan đố mê tát ra bính nhĩ. Ca lô (lư) noa đất mắng ca bộ mê bát lý để duệ.

Ý kệ này nói, các Đức Phật từ bi thương xót người chỉ xin nhớ nghĩ chúng con, con nay xin thưa: Sẽ làm phương pháp thọ trì đất, và các đệ tử Phật, sáng ngày mai cùng giáng lâm để chứng minh. Tiếng Phạm ở trong âm thanh “tôn niệm”, tức là có ý thỉnh đến. Tất cả Bồ-tát, Kim cang thủ, Thánh bất động tôn. Tất cả Phật vị, năm Như lai vị, A-xà-lê vị. Đây là ngôi thứ Bạch đàn Mạn-đồ-la.

Phật mẫu hư không nhãn, Liên hoa thủ, hàng Tam Thế-tôn.

Đến tối ngày thứ năm, lại phải thứ lớp đầy đủ phép tắc, muốn tự nghiêm thân, quán nhập ngôi vị Mạn-đồ-la, phụng thỉnh nhóm họp giúp đỡ... tất cả đủ khắp xong, phải tụng Bất động minh vương, hoặc hàng Tam Thế-tôn, tương ứng với mật ấn, đủ một trăm lễ tám biến gia trì vào đất này, A-xà-lê nói: Từ ngày thứ ba về sau, mỗi ngày ba thời luôn tụng niệm, đều tụng Bất động chân ngôn một trăm lễ tám biến để gia trì vào đất này, không nên riêng một thứ này mà phải sử dụng tất cả.

Lại từ ngày đầu, đến ngày thứ ba tới nay, nếu có các nạn làm chướng ngại, liền phải thu nhiếp dừng lại, nếu đã xoa bạch đàn ở ngôi thứ xong, nếu có các việc ma, hai bên không hòa hợp, thì phải siêng năng gia trì phương tiện, sẽ được thành tựu, ngoài ra như trong Cù-hê chép: Đêm thứ năm tụng Bất động chân ngôn xong, kể đó phải y theo thân Như lai Đại Nhật liền tụng chân ngôn trì địa và bắt ấn Tam-muội-da, nói chân ngôn kia rằng:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm tát bà đất tha yết đa địa sát xá na địa sát chỉ đế a giả lệ, vi ma lệ bà ma la nãi bát la ngật phiếu (lật) để bát lý thân (du) di tóa ha.

Câu đầu quy mạng tất cả các Đức Phật, nghĩa câu hai, câu ba nói: dùng năng lực gia trì của tất cả Như lai để gia trì. Ý này nói: Như đạo

tràng kim cang kia, thần lực tất cả Như lai cùng chung gia trì, nay khiến đất này cũng giống như vậy.

Lại nữa, ta đã sửa cho tâm địa đệ tử ngay thẳng thanh tịnh xong, đây là tâm vương của Như lai, chỗ bức họa Đại bi tạng Mạn-đồ-la, nay ta nói lời thành thật rằng, nhờ thần lực tất cả Như lai che chở, giúp được bền vững bất động.

Câu thứ tư nói: A-giả-lệ nghĩa là bất động.

Câu thứ năm nói Vi-ma-lệ, nghĩa là vô cấu. Ý này nói: do thần lực của tất cả Như lai chân chánh gia trì khiến được yên ổn vững chắc bất động, không chỉ bất động mà thôi, lại giúp cho xa lìa tất cả cấu nhiễm, chính là lấy chữ A đầu trang câu thứ tư làm thể chân ngôn. Như lai dùng pháp nào gia trì, có thể khiến rốt ráo, không nghiêng ngã lay động? Nghĩa là lấy tự môn A này nên có lực dụng như vậy. Câu thứ sáu là nghĩa nhớ nghĩ giữ gìn, giống như Tỳ-kheo làm pháp yết-ma, khiến chúng tăng một lòng hòa hợp cùng thọ trì. Nay chân ngôn này cũng giống như vậy, dùng chữ A gia trì xong, xin tất cả Như lai nhớ nghĩ thế xưa nên cùng thọ trì.

Câu thứ bảy nghĩa là bản tánh thanh tịnh, đây là chuyển giải thích câu trước, vì sao các Đức Phật đồng tâm nhớ nghĩ gia trì? Do bản tánh thanh tịnh. Nếu pháp nhập tự môn A, tức là từ xưa đến nay không lay động, không cấu nhiễm, các Đức Phật trong mười phương ba đời do nghĩa này nên đều đồng một Giới một kiến, vì thế đồng cùng gia trì. Câu cuối cùng nói Tóa-ha: như Tăng yết-ma xong, lại thêm Nhẫn có thể ấn thành Cú, như ta đã phát lời thành thật chắc chắn không sai lầm, cúi mong các Đức Phật không quên Tam-muội-da, giúp việc làm viên mãn. Trong đây, tất cả nghĩa của chữ tự cũng phải phân biệt nói rộng.

Bấy giờ, A-xà-lê kia phải đến phương Đông, ngoài đàn vị tất cả Như lai, xoay về hướng đông trì tụng chân ngôn hoặc ba biến hoặc bảy biến, có thể nhiều lợi ích, sau đến phương Nam, tiếp theo đến phương Tây, kế đến đến phương Bắc đều dựa lưng vào Bạch đàn mà tụng, trì như vậy một vòng đã xong. Sau đến ngôi vị hư không nhẫn, phải mặt hướng về Đông bắc lưng dựa vào bạch đàn vị mà tụng. Sau đó đến phía Đông nam, tiếp theo đến phía Tây nam. Kế đó đến phía Tây bắc, lại phải chí thành làm lễ, cúng dường các thứ, căn cứ vào chỗ ngôi A-xà-lê, ngôi xoay mặt về hướng Đông, tụng chân ngôn vốn thọ trì, trụ trong bốn tôn Tam-muội, đều như trong cúng dường thứ lớp có nói.

Lại lần lượt trì chân ngôn các Tôn vị trong bạch đàn vị, và kết ấn kia. A-xà-lê nói: trước trì chân ngôn của Đại nhật bộ chủ một trăm lễ

tám biến, ngoài ra tám vị, quán chân ngôn kia lớn nhỏ để trì, nếu có thể tụng và trì bốn vị Bồ-tát ở viện thứ hai; chư tôn thượng thủ như Đức Thích-ca... ở viện thứ ba, cho đến đều tụng các vị cũng được. Bạch đàn vị kia chỉ xoa bùn khô, rưới nước thơm xong thì được làm. Cũng không chắc chắn trong ngày thứ tư, tự đặt xong, đều phải nường vào dây trì tụng, đến đêm pháp sự, cũng theo dây có thể biết. Đêm thọ trì đất, A-xà-lê như pháp trì tụng xong, cho đến dùng Kim cang ngâm vịnh, khen ngợi khắp các Đức Phật, Bồ-tát, ngồi yên một chỗ, thì ở chỗ đặt đàn này như pháp hộ thân, liền nằm xoay mặt về hướng Đông, phải đối với đệ tử được sinh tâm đại Bi thương xót.

Nếu cù-hê-thả-thảm-la, thọ trì đất xong, lại có pháp danh hiệu Kiết-tô-đa-la đệ tử thọ trì. Khi kia an nghỉ, phải tư duy tất cả các pháp mự môn A trong tâm đài hoa sen, vì ta không thể đắc tức là vô chương ngại tâm Bồ-đề. Cũng lại là hạt châu như ý. Lại nói ngọc như ý này, chỉ là tự môn A mà thôi. A-xà-lê kia, phải ở trong mộng, hoặc thấy vô lượng các Đức Phật, Bồ-tát, các bậc có tiếng tăm lớn thị hiện làm các sự nghiệp, nghĩa là tùy theo các loại chúng sinh đáng độ, dùng ba luân dẫn dắt giáo hóa, hoặc tự thân an bày kiến lập Bi sinh Mạn-đồ-la, hoặc dùng âm thanh vi diệu, khuyến khích, dặn dò rằng, nay ông thương xót chúng sinh, làm thành Mạn-đồ-la này, lành thay! Ma-ha Tát-đỏa, ông đã vẽ rất mầu nhiệm, các cảnh giới như vậy. A-xà-lê phải đêm tâm tự khéo quyết định chọn lựa, phải biết Thánh chúng cùng gia trì đất ấy, có thể tùy ý tác pháp. Nếu có người ngăn cản thì nên làm phương tiện hộ-ma tương ứng trừ sạch, phải phát tâm thật siêng năng, mạnh mẽ khiến cho việc làm thanh tịnh.

Lại nữa, nếu A-xà-lê là bậc thầy chân đế thì trong hạt châu như ý của tâm Bồ-đề thanh tịnh Tam-muội Liên hoa, tự nhiên thấy rõ, có chương, không chương, nhân duyên rõ ràng vô ngại, tâm Phật hiện bày dặn dò trao truyền để khai mở chỗ nghi. Như kia hiểu biết việc Ma, phải dùng trí tuệ rộng lớn, lần lượt làm pháp Hộ-ma, cần giữ gìn tâm không để lay động, không lui sụt, có thể kiến lập pháp giới Mạn-đồ-la, sau đó mới dừng lại.

Lại nữa, A-xà-lê từ khi bắt đầu khởi báo thân đất đến nay thì không nên lìa đất đạo tràng ấy, luôn ở trong đó gia trì, nên quán sát kỹ càng, tùy theo có chỗ nào chưa bằng phẳng liền phải sửa sang. Lại suy nghĩ các duyên, chi phần đều phải làm cho thường đủ, không được để việc thiếu thốn mà sinh nghi ngờ, tự thọ trì đất xong, liền phải theo khuôn mẫu vẽ giới hạn chia ra, quy định phương vị, đến đêm quán đánh

mới tạo các tôn, nếu không thể chóng thành tựu thì sau khi trì địa dần dần tu cũng không có lỗi.

Kinh dạy: Lại nữa, vào những ngày khác, nhiếp thọ người đáng độ, trở xuống cho đến trao nước thơm bảo uống, tâm kia thanh tịnh là nói nhiếp thọ kiến lập che chở chi phần của đệ tử, thọ trì đất xong, kế là nói đêm làm pháp đệ tử, cho nên nói là ngày khác. Sau đây phân biệt rộng tướng của đệ tử đáng độ. Kệ nói: nếu đệ tử có tín tâm: nghĩa là A-xà-lê quán căn tánh hiện tại hoặc nguyên nhân xa xưa của đệ tử, đối với duyên khởi không thể suy nghĩ bàn luận, ba thứ bí mật trong các phương tiện, tin thẳng không nghi, không hề sợ hãi, mới xứng đáng nhiếp thọ, ngoài ra như trong Sư đức nói kệ rằng, sinh chủng tánh thanh tịnh: nghĩa là sinh trong bốn dòng lớn như Bà-la-môn... Nếu là dòng Chiên-đà-la... thì do tiếp nối phép trị nhà tập quán làm việc không trong sạch, nên tánh nhiều xấu ác, nếu làm pháp quán đánh cho họ khiến lưu thông pháp lớn thì họ sinh khinh lờn hoặc trở thành nhân duyên thiếu pháp.

Giống như Tỳ-kheo thọ giới cụ túc cũng phải chọn bỏ những người dòng họ thấp hèn hủy nhục chúng tăng, nếu chỉ là thọ pháp kết duyên thì không nói làm gì.

Lại nữa, nếu từ lâu xa đến nay, đã có nhân duyên phát tâm Bồ-đề, tức là sinh trong giòng họ Như lai, giòng họ rất cao quý. Kệ nói: Cung kính Tam bảo: nghĩa là đối với Phật, pháp và chúng tăng khởi tâm thật thà, mộc mạc, kính nhường, thường muốn gần gũi tôn trọng, cúng dường khen ngợi, phải biết vị ấy đời trước có nhân duyên hành đạo, cho đến như Bồ-tát Thường Bất Khinh, ấy gọi là thâm kính tất cả chúng sinh, tin Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Dùng trí tuệ sâu xa để trang nghiêm thân: Vô biên pháp Phật bằng với hư không như thế người tâm khí, trí tuệ thấp kém không thể làm được, vì thế đối với người có trí tánh lợi ích sâu xa để tự trang nghiêm, mới nói cho nghe.

Kham nhẫn không biến nhác: đây nghĩa là có khả năng làm được, không gì lui sụt. Âm Phạm và nhẫn nhục khác nhau, nghĩa là nhân duyên cầu pháp, dù các việc gian nan khổ sở thấy đều làm được. Giả sử một lần không thành, lại trở lại bắt đầu tu hành, như thế tát cạn biển lớn cho đến cạn hết mới thôi. Nếu người chí tánh như thế thì có thể truyền pháp.

Thi-la Thanh tịnh không thiếu: Nghĩa là đối với luật nghi của người tại gia xuất gia, cho đến đối với bản tánh thọ các giới cấm, tùy

theo chỗ phụng trì thì tâm phòng giữ không có thiếu sót, nếu người đầy đủ tánh như thế, dù nhập Tam-muội-da, thế lớn bình đẳng, cũng sẽ kính thuận không trái ngược, do đó có thể truyền pháp.

Nhẫn nhục không bồn sển: Trong đây chia làm hai câu. Nhẫn nhục: nghĩa là đối với tám thứ gió lớn của cảnh giới trong, ngoài, trái thuận, tâm kia nhẫn nhục an ổn không gì làm nghiêng động, như trong Trí độ Thi ba-la-mật có nói rộng, phải biết người ấy chắc chắn không phạm điều cấm nặng trì minh, làm việc không lợi chúng sinh, do đó có thể truyền.

Không bồn sển: nghĩa là đối với tất cả tài, pháp thường nghĩ đem cho người, nếu có người đến xin thì tâm không keo tiếc, như trong Trí độ Đàn ba-la-mật, phải biết người ấy chắc chắn không phạm vào điều cấm nặng bồn sển chánh pháp, do đó có thể truyền trao.

Mạnh mẽ giữ vững hạnh nguyện: Cũng chia làm hai câu. Mạnh mẽ tức là trong đức của A-xà-lê, chủng tánh tâm Bồ-đề mạnh mẽ. Trong khi hành đạo, dù gặp các thứ thanh, sắc đáng sợ, tâm không hèn nhát cho đến vào sinh ra tử, không có ý tưởng lo sợ, chân chánh thuận theo việc làm của bậc Đại nhân Bồ-đề Tát-đỏa, cho nên truyền trao.

Giữ vững hạnh nguyện: Đây là nguyện quan trọng của tâm, nghĩa cầu nguyện và âm Phạm khác nhau. Như tự mình lập chí, mỗi ngày ba thời tụng niệm thì cuối cùng một ngày nào đó, dù trải qua các duyên khác nhưng vẫn như ban đầu không xen hở, như thế, việc có đầu có cuối, nếu khi hành đạo Bồ-tát cũng không thiếu bồn thệ, cho nên có thể truyền trao. Nhưng đây đã nói mười đức đệ tử, nếu người nào đầy đủ thì phải biết người ấy rất ít có, chỉ cần có sở trường riêng thì có thể trở thành bậc thầy, liền nên nhiếp thọ.

Lại như Thanh văn khi thọ giới Cụ túc, quán sát các thứ già nạc, có chỗ nói quá trẻ hoặc quá già dung mạo xấu xí, các bệnh hoạn... sợ cư sĩ chê trách cho nên lựa bỏ. Nay Đại thừa đây thì không giống như vậy, chỉ cần đạo có thể cứu giúp, dù có các tội lỗi khác, đều không đáng kể. Trong kệ nói hoặc mười, hoặc tám, bảy hoặc năm, hai, một, bốn người thì trong một kỳ đạo tràng là số đã hạn định làm A-xà-lê quán đảnh, trong đây vượt quá số hạn chế mà lấy, nghĩa là từ một đến hai, từ hai vượt đến bốn, từ bốn đến năm, từ năm vượt đến bảy, từ bảy đến tám, từ tám vượt đến mười người, vì thế nên trong một Mạn-đà-la không được đồng thời làm quán đảnh cho ba người, sáu người, chín người, bởi vì ý sâu của Như lai, A-xà-lê không giải thích lý do, lại đồng với kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni, không được quá mười người trở lên, vượt quá

đây thì sợ tâm lượng A-xà-lê có chỗ không khắp, phải đợi duyên sau làm pháp riêng. Lại mười người trở xuống này: nghĩa là đồng thời phát tâm, mỗi người đều xả bỏ tất cả trong ngoài, cúng dường Tam bảo, cùng nhau thành tựu Mạn-đà-la, cho nên được đồng thời tác pháp. Nếu người nhờ gặp đạo tràng bèn nói pháp duyên khó gặp, xin cứu độ thì chưa hợp thời làm A-xà-lê quán đảnh. Nếu lại vượt qua số này, hoặc người chỉ cầu kết duyên ở trong pháp nhất môn Bản tôn thọ chân ngôn ấn thì không theo như vậy mà phân chia giới hạn. A-xà-lê cũng phải phát khởi đại Bi tùy theo người có thể khởi một phần nhỏ tâm lành, đều lập tức làm phát sinh hạt giống Bồ-đề, do đó nói hoặc lại vượt qua số này.

Kinh nói: Bấy giờ, Kim cang thủ Bí Mật Chủ lại bạch Phật rằng: Bạch Thế-tôn! Phải gọi tên Mạn-đồ-la này là gì? Mạn-đồ-la này nghĩa như thế nào? Nhân đây Như lai chọn lựa người giới hạn chúng, để giúp cho những người chưa ngộ được hiểu, chuyển sinh nghi vấn. Kim cang thủ thưa hỏi Đức Thế-tôn, nói cảnh giới gia trì này, giảng nói đại Bi tạng sinh Đại Mạn-đà-la vương thì đó là đại bi bình đẳng, lại không có giới hạn. Nhưng nay Thế-tôn đã dạy dù người có đức đáng truyền trao, nhưng không quá mười người, dường như là tùy chuyển “Nhất Minh” kia, không phải cụ thể, cho nên hỏi phải làm thế nào để gọi tên Mạn-đồ-la này?

Lại Mạn-đồ-la nghĩa là vòng tròn, nay đã hạn cuộc số lượng, dường như đối với lý chưa tròn đầy, do đó trong đây hỏi Mạn-đồ-la nghĩa như thế nào? Gồm có hai câu hỏi, Đức Thế-tôn sẽ đáp. Ban đầu trả lời Danh (tên) sau trả lời nghĩa. Căn cứ trong phần trả lời Danh, trở lại làm sáng tỏ ý chỉ gốc rằng: Mạn-đồ-la là nghĩa phát sinh, nay gọi là phát sinh các Đức Phật Mạn-đồ-la. Lúc hạt giống tâm Bồ-đề trong đất tâm Nhất thiết trí, lấy nước đại bi soi lấy mặt trời trí tuệ lớn lao, hăng hái dùng phương tiện gió lớn không ngăn ngại cho đau không là không, có thể khiến mầm pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận lần lượt tươi lớn, cho đến đầy khắp pháp giới thành cây Phật, do đó gọi là phát sinh.

Sấm mưa nuôi lớn mầm, mầm từ đất nảy sinh, không thể cho tách phần cây cỏ tươi lớn không giống nhau, bèn khiến bố thí phân chia bình đẳng cũng trở thành giới hạn. Sau trả lời đúng vào nghĩa. Tiếng Phạm Mạn-đồ-la nghĩa là chứa nhóm sữa thành tô. Mạn-đồ-la là ở trong Tô.

Cực tinh tinh thuần ấy: nghĩa là nhóm lại nổi ở trên, giống như tinh ròng không còn thay đổi. Lại gọi là Kiên, vị thanh tịnh, mẫu nhiệm hòa hợp với nhau, các vật khác không thể xen lẫn, do đó có nghĩa nhóm

hợp, vì thế nên Đức Phật nói. Vị cùng cực không có vị nào sánh bằng, không có vị nào hơn được, do đó gọi là Mạn-đồ-la. Dùng ba thứ bí mật phương tiện, chứa nhóm sữa Phật tánh của chúng sinh, cho đến trải qua năm vị trở thành diệu giác, đề hồ, thuần sạch hòa mầu không còn tăng thêm, tất cả Kim cang trí ẩn cùng chung nhóm hợp, đối với vị cam lộ chân thường không thay đổi là bậc nhất, ấy nghĩa là Mạn-đồ-la.

Kinh chép: Bí Mật Chủ trở xuống, giải thích rộng nghĩa Mạn-đồ-la và dứt sự nghi ngờ. Lại chia làm ba: trước hết nói pháp giới Đàn tròn Phổ môn không giới hạn. Sau nói lý do giới hạn người và chọn lựa chúng sinh. Câu cuối cùng là khuyến khích dặn dò A-xà-lê khiến khởi nguyện bình đẳng Từ bi. Căn cứ câu đầu trong văn là thương xót “chúng sinh giới”, Đại bi thai tạng này sinh Mạn-đồ-la nghĩa rộng. Nếu người tu hành khi tự thấy trong thai tạng thì biết tất cả chúng sinh đều có nhân duyên thành Phật, đại Bi Mạn-đồ-la do họ làm ra cùng khắp pháp giới.

Hơn nữa chúng Bồ-tát, Chấp kim cang... nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, tùy theo dùng một môn làm Mạn-đồ-la chủ, các môn khác làm quyến thuộc, sẽ thành một loại Mạn-đồ-la, như thế xoay vần đến không cùng tận, không có toán số, ví dụ nào có thể tính kịp, huống chi trong đó mỗi thứ đều dùng vô lượng môn trang nghiêm. Các thứ phương tiện dẫn dắt thâm nhiếp chúng sinh, lại có thể hơn nguồn gốc sao? Nếu hành giả đối với pháp môn nhất tự này, có khả năng thu rộng làm lược, mở lược thành rộng, sinh ra pháp tài, bố thí khắp tất cả, thường không hết sạch, mới gọi là khéo hiểu rộng nghĩa Mạn-đồ-la.

Ở sau nói: Đây Bí Mật Chủ! Như lai trong vô lượng kiếp chứa nhóm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề để gia trì, thế nên đầy đủ vô lượng đức. Phải biết như thế ấy. Đây là giải thích rộng nghĩa nguyên nhân. Như trong kinh Hoa Nghiêm, các vị Thiện tri thức nhập pháp giới, mỗi vị ở trong một môn, đã thông đạt “pháp” sâu rộng không giới hạn, nhưng cũng không biết nhau. Ngày xưa khi Như lai hành đạo Bồ-tát, Phổ môn gạn gỏi các Thiện tri thức nhiều như số cát bụi của các cõi Phật như thế, đối với mỗi kho công đức kia, đều đạt đến vị cuối cùng không gì sánh bằng, không có vị nào cao hơn, do đức nội chướng vô lượng, vô biên như thế, nên họ đã gia trì hiện làm pháp môn quyến thuộc, cũng lại vô lượng, vô biên. Hành giả môn Chân ngôn kia, phải am hiểu tâm kia, hiểu biết như thế.

Đã biết đức bên trong không giới hạn, kể là nói bốn địa Mạn-đồ-la, độ người vô hạn. Vì sao? Vì phù hợp với nguyện đại bi. Cho nên văn

kinh tiếp theo nói: Bí Mật Chủ không vì một chúng sinh, cho nên Như lai thành Đẳng chánh giác, cũng chẳng phải nhị phi, thường vì thương xót các chúng sinh vô dư ký và hữu dư ký còn nhớ, cho nên Như lai thành Đẳng chánh giác, dùng nguyện lực đại bi đối với vô lượng chúng sinh giới, như bản tánh của họ mà nói pháp, ý nghĩa của phát tâm Bồ-đề trong đây giống như phẩm Nhập Pháp Giới, và trong Trí Độ Ma-ha-tát Luận nghị có nói rộng.

Vô dư ký: Như Đức Phật hiện tiền thọ ký, chúng sinh nào đó ở trong kiếp nào đó thành Phật hiệu Như lai nào đó, có cõi nước quyền thuộc như thế, thứ thọ ký rõ ràng, gọi là Vô dư ký. Hữu dư ký: Như bảo chúng sinh rằng, ông ở đời vị lai, thời Đức Phật ấy sẽ hết tội. Đức Phật nào đó sẽ thọ ký cho ông.

Lại nữa, như Thế-tôn dạy: hoặc ta tại thế hoặc sau khi diệt độ, có các chúng sinh nghe kinh Pháp Hoa dù chỉ một câu hay một bài kệ, Ta đều thọ ký Vô thượng Bồ-đề cho họ, ấy gọi là Vô dư ký. Nếu nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, họ sinh gốc lành nối nhau không dứt, sẽ đến Vô thượng Bồ-đề thì gọi là hữu dư ký. Xưa ta vì những chúng sinh này mà thành chánh giác, hướng chi nay chỗ nguyện đã tròn đầy, mở tự tâm quý báu của chúng sinh, như bản tánh của họ mà ban cho, đâu có hạn lượng gì? Hơn nữa, căn cứ vào dấu vết cạn thấp của việc mở mang kinh điển ở cõi đời xấu ác, vì thế mà nói một ngày nào đó pháp sự nhiều đến mười người. Từ đây trở xuống câu thứ hai, là giải thích nguyên nhân hạn lượng người và lựa chọn chúng.

Kinh chép: Nay Bí Mật Chủ! Đời trước không tu tập Đại thừa, chưa từng suy nghĩ nối nhau hạnh chân ngôn thì không thể có phần nhỏ thấy, nghe, hoan hỷ, tin nhận.

Lại, Kim cang Tát-đỏa, nếu hữu tình kia, xưa đối với Đại thừa chân ngôn, nương đạo vô lượng môn mà tiến lên, do từng tu hành, nên vì những người kia mà lập ra hạn lượng danh số này. Ý đây nói: Nếu các chúng sinh, thời quá khứ chưa từng đối với vô lượng các Đức Phật gieo trồng gốc lành, đối với bí mật thừa này chưa hề tu tập thì sau đến nghe cũng không thể tin nhận. Nếu người truyền thọ, luống dùng gốc lành, sai căn cơ mà nói, họ sẽ tăng thêm sự chệch bại làm mất gốc lành kia.

Vì thế kinh Pháp Hoa chép: Người không trí tuệ nghi ngờ, hối tiếc thì bị mất hẳn gốc lành. Các chúng sinh trong các thế giới ở mười phương, ít có người chí cầu Thanh văn, người cầu duyên giác ít hơn, người cầu Đại thừa là ít nhất, nhưng người cầu Đại thừa hình như còn

dễ, người tin pháp này mới là rất khó, do đó dùng “phổ nhãn” quán, người thọ được pháp ấy, giống như phải làm đầy biển lớn bằng những giọt nước nhỏ như bụi. Khi ý đã muốn che chở người kia liền nói: Vô lượng môn tấn thú: tức là giải thích cả danh nghĩa của Mạn-đồ-la, luận rằng, Mạn-đồ-la: nghĩa là chứa nhóm. Nay chứa nhóm công đức chân thật của Như lai lại một chỗ, cho đến chứa nhóm bánh xe trí ẩn khác nhau nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giúp đỡ tâm vương Đại Nhật, khiến tất cả chúng sinh tiến lên “Phổ môn”.

Vì thế nói là Mạn-đồ-la. Cái gọi là sơ lược tạo lập danh số này: như dùng A tự “ngũ chuyển”, nhiếp chung vô biên nội đức của Như lai, dùng tự luân trăm ánh sáng thu nhiếp pháp môn phổ nhãn của Như lai, đây gọi là lược, dùng phương tiện vô số cõi nước liền mở đàn tám cánh, dùng đại bi không cùng tận để đặt ra hạn lượng mười người, đây là sơ lược.

Nhưng người học kia, thuận theo một pháp “Minh đạo” mà được ngộ nhập thì nhập khắp tất cả các môn tổng trì, như từ một cửa thấy vua tức là vào khắp ngàn cửa muôn nhà. Nếu không thể như thuyết tu hành thì dù dùng các thứ văn từ rộng vì chỉ bày cũng không lợi ích gì, cho nên là câu thứ ba. Kế là nói danh số qua loa, tự không bị cản trở bởi sự rộng lớn, vì thế kinh dạy: A-xà-lê kia cũng phải dùng tâm đại bi, lập thế nguyện như vậy, để độ chúng sinh giới không còn thừa. Phải nên nhiếp thọ vô lượng chúng sinh, làm nhân duyên hạt giống Bồ-đề.

Nghĩa là tạo lập Mạn-đồ-la, là tùy theo thấy, nghe, chạm, biết, cho đến giơ tay, cúi đầu, một niệm vui theo, đều chắc chắn thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, do đó A-xà-lê tuy không được sai căn cơ lầm trao thực hành câu-chi quán đánh. Nhưng duyên buộc châu, trống độc, há đã làm sao? Vì thế phải vận dụng tâm đại bi mục đích là làm cho rộng hòa hợp.

Lại nữa, như mọi người có vật báu bí mật, sợ bị giặc cướp nhìn trộm cho nên lấy áo che lại, nay pháp môn Mạn-đồ-la này, cũng giống như vậy. Vì kho bí mật không thể giảng nói ngay, nên xoay vần trở lại dùng phương tiện có tướng, nay nói giới hạn mười người, chính là Mạn-đồ-la thế độ. Nhưng A-xà-lê tự phải sửa sang ngay thẳng đất tâm, vẽ làm đại bi Mạn-đồ-la, phổ nhãn độ người, càng nhiều càng tốt, không được như lời nói mà hiểu.

